TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **252**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 9 - 2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Vân Anh
2. Ông Bàn Đức Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang* tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án thụ lý số 120/2023/TLST-HNGĐ, ngày 02/6/2023 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Đức L, sinh năm 1995.
Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện H, tỉnh Hải Dương.
2. Bị đơn: Chị Nông Thùy L, sinh năm 1992.
Địa chỉ: Thôn P, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(*Nguyên đơn anh Phạm Đức L có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn chị Nông Thùy L vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai và Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, nguyên đơn anh Phạm Đức L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nông Thùy L kết hôn với nhau từ năm 2016, trước khi kết hôn hai bên được tự tìm hiểu, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Hải Dương vào ngày 20/4/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh tại thôn V, xã T, huyện H, tỉnh Hải Dương. Cuộc sống chung của hai vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau khi chị Linh sinh con thì bắt đầu phát sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã, mắng chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng hai vợ chồng vẫn không thể tìm được tiếng nói chung mà ngày càng mâu thuẫn trầm trọng nên chị Linh đã đem theo con nhỏ về sống cùng gia đình bố mẹ nuôi tại thôn P, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang và sống ly thân với anh từ cuối tháng 12/2016 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không hề có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị Nông Thùy L đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nông Thùy L, để giải phóng cho cả hai đi tìm cuộc sống mới, hạnh phúc của riêng mình.

Về con chung: Anh và chị Nông Thùy L có 01 con chung là cháu Phạm Đức Dương A, sinh ngày 27/8/2016. Kể từ khi vợ chồng ly thân thì cháu Phạm Đức Dương A vẫn sống cùng chị Linh và bố mẹ nuôi chị L là ông Nguyễn Tiến M và bà Phạm Thị Ng tại thôn P, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang nên khi ly hôn anh nhất trí giao cháu Phạm Đức Dương A cho chị Nông Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L với mức cấp dưỡng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)/tháng cho đến khi cháu Phạm Đức Dương A đủ 18 tuổi.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh không có tài sản, đất đai chung; không vay nợ của ai, cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn chị Nông Thùy L không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và không có ý kiến gì đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Đức L.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương và ông Nguyễn Tiến M là bố nuôi của bị đơn chị Nông Thùy L, nội dung thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thùy L và anh Phạm Đức L kết hôn với nhau từ năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới vợ chồng chị Nông Thùy L và anh Phạm Đức L về chung sống cùng nhà với bố mẹ đẻ anh Phạm Đức L tại tỉnh Hải Dương được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nên chị Linh đã đem theo con nhỏ quay về sống cùng bố mẹ nuôi là ông Nguyễn Tiến M và bà Phạm Thị Ng tại thôn P, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang từ cuối năm 2016 và sống ly thân với anh Phạm Đức L từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng không hề có sự qua lại, hỏi han quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, do đó chính quyền địa phương và người thân thích của chị Nông Thùy L xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nông Thùy L và anh Phạm Đức L đã đến mức độ trầm trọng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Phạm Đức L đối với chị Nông Thùy L theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh Phạm Đức L, chị Nông Thùy L có 01 con chung là cháu Phạm Đức Dương A, sinh ngày 27/8/2016. Kể

từ khi vợ chồng ly thân thì cháu Phạm Đức Dương A vẫn sống chung cùng nhà với chị Nông Thùy L và bố mẹ nuôi của chị L là ông Nguyễn Tiến M và bà Phạm Thị Ng tại thôn P, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Khi chị Nông Thùy L đi làm ăn xa nhà thì cháu Phạm Đức Dương A vẫn được ông Nguyễn Tiến M và bà Phạm Thị Ng thay mặt chị Nông Thùy L nuôi dưỡng, quan tâm, chăm sóc, cho đi học đầy đủ.

Về tài sản, đất đai và vay nợ chung: Vợ chồng chị Nông Thùy L và anh Phạm Đức L không có tài sản, đất đai, vay nợ chung.

Về hộ khẩu thường trú: Chị Nông Thùy L là con đẻ của ông Nông Văn N và bà Phạm Thị D trú tại thôn P, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Sau đó chị L được vợ chồng ông Nguyễn Tiến M và bà Phạm Thị Ng (bà Ngát là chị gái ruột của bà Phạm Thị D) nhận làm con nuôi từ nhỏ vì ông M và bà Ng không có con. Quá trình chung sống cùng ông M, bà Ng chị L được bố mẹ nuôi chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Sau đó chị L kết hôn với anh Phạm Đức L và chuyển về sinh sống tại tỉnh Hải Dương một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nên chị Linh đã đem theo cháu Phạm Đức Dương A quay về tiếp tục chung sống cùng ông Nguyễn Tiến M và bà Phạm Thị Ng, hiện tại chị Nông Thùy L và cháu Phạm Đức Dương A đăng ký hộ khẩu thường trú cùng hộ gia đình ông Nguyễn Tiến M, bà Phạm Thị Ng. Sau khi đem con về ở với ông Mạnh, bà Ngát một thời gian thì chị Nông Thùy L đi vào miền Nam làm ăn, để lại cháu Phạm Đức Dương A cho ông M, bà Ng chăm sóc. Trong thời gian đi làm ăn tại miền Nam thỉnh thoảng chị L có về nhà thăm con một vài ngày và thường xuyên liên lạc với gia đình bằng điện thoại. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo lại cho chị Nông Thùy L. Chị Nông Thùy L đã biết được việc anh Phạm Đức L khởi kiện xin ly hôn với mình và đã biết việc Tòa án triệu tập chị L đến làm việc, bản thân chị L nói lại với gia đình là cũng nhất trí ly hôn với anh Phạm Đức L vì vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn tình cảm gì với nhau. Tuy nhiên, chị L nói là đang bận đi làm ăn tại miền Nam, việc đi lại khó khăn nên không đến Tòa án làm việc được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Quá trình đi làm ăn xa chị Nông Thùy L không làm thủ tục khai báo tạm trú, tạm vắng mà chỉ nói là mình đang đi làm thuê tại miền Nam nhưng không thông báo cho gia đình và địa phương biết mình hiện đang làm gì, ở địa chỉ cụ thể nào nên gia đình và địa phương không nắm được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 26, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Phạm Đức L thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị Nông Thùy L chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Đức L:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Đức L được ly hôn với chị Nông Thùy L.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Đức Dương A, sinh ngày 27/8/2016 cho chị Nông Thùy L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Đức L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)/tháng. Phương thức cấp dưỡng theo tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 10/2023 cho đến khi cháu Phạm Đức Dương A đủ 18 tuổi. Anh Phạm Đức L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Nguyên đơn anh Phạm Đức L xác định không có tài sản, đất đai vay nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn anh Phạm Đức L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Bị đơn chị Nông Thùy L không phải nộp tiền án phí.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Anh Phạm Đức L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nông Thùy L, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Nông Thùy L có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn P, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tại gia đình và địa phương cho thấy bị đơn chị Nông Thùy L có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy nguyên đơn anh Phạm Đức L đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn chị Nông Thùy L. Chị Nông Thùy L đi làm ăn xa nhưng không thông báo tạm trú, tạm vắng cho chính quyền địa phương biết, thỉnh thoảng có về nhà thăm con và thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng không thông báo địa chỉ mới nên gia đình và địa phương không rõ chị Nông Thùy L

hiện đang làm gì, ở đâu. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các tài liệu tố tụng (Thông báo về việc thụ lý vụ án; các Giấy triệu tập; Thông báo về việc mở phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) theo quy định của pháp luật, mặc dù chị Nông Thùy L đã biết được việc anh Phạm Đức L khởi kiện xin ly hôn với mình, nhưng chị L không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ chị Nông Thùy L đến tham gia phiên tòa (niêm yết công khai) 02 lần nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng, như vậy đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình che dấu địa chỉ, cố tình vắng mặt nhằm trốn tránh nghĩa vụ của mình. Quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn anh Phạm Đức L có Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn và xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 179, khoản 2 Điều 227 và các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Đức L thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn chị Nông Thùy L chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Đức L và chị Nông Thùy L kết hôn với nhau từ năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối phải kết hôn và thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống tại thôn V, xã T, huyện H, tỉnh Hải Dương. Cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, không hợp về tính cách nên thường xuyên cãi vã, mắng chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên can nhưng hai vợ chồng vẫn không thể hàn gắn nên chị Nông Thùy L đã đem theo con nhỏ về sống cùng bố mẹ nuôi tại thôn P, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang và sống ly thân với anh Phạm Đức L từ cuối tháng 12/2016 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn hỏi han, quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Anh Phạm Đức L xác định tình cảm vợ chồng với chị Nông Thùy L đã hết nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Nông Thùy L. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Phạm Đức L và chị Nông Thùy L đã đến mức độ trầm trọng, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Phạm Đức L được ly hôn với chị Nông Thùy L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Quá trình chung sống anh Phạm Đức L và chị Nông Thùy L có 01 con chung là cháu Phạm Đức Dương A, sinh ngày 27/8/2016. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu Phạm Đức Dương A vẫn sống cùng với chị Nông Thùy L và bố mẹ nuôi của chị Linh là ông Nguyễn Tiến M và bà Phạm Thị Ng, vẫn được quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng và cho đi học đầy đủ. Quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Đức L cũng nhất trí giao cháu Phạm Đức

Dương A cho chị Nông Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng, anh Phạm Đức L tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Phạm Đức Dương A với mức cấp dưỡng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)/tháng cho đến khi cháu Anh đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nông Thùy L cố tình vắng mặt, không có ý kiến gì về việc giao nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Tuy nhiên, để đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng của con chưa thành niên cần ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh Phạm Đức L. Mặt khác, bố mẹ nuôi của chị Nông Thùy L là ông Nguyễn Tiến M và bà Phạm Thị Ng cũng nhất trí tiếp tục thay chị Nông Thùy L nuôi dưỡng, chăm sóc cho cháu Phạm Đức Dương A khi chị L đi làm ăn xa nhà. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần tiếp tục giao cháu Phạm Đức Dương A cho chị Nông Thùy L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Đức L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)/tháng. Phương thức cấp dưỡng theo tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 10/2023 cho đến khi cháu Phạm Đức Dương A đủ 18 tuổi. Anh Phạm Đức L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Qua kết quả xác minh tại địa phương và lời khai của nguyên đơn thể hiện vợ chồng anh Phạm Đức L và chị Nông Thùy L không có tài sản, đất đai, vay nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Đức L cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn anh Phạm Đức L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Bị đơn chị Nông Thùy L không phải nộp án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 179, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Đức L.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho anh Phạm Đức L được ly hôn với chị Nông Thùy L.

2. Về con chung:

Giao cháu Phạm Đức Dương A, sinh ngày 27/8/2016 cho chị Nông Thùy L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Đức L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)/tháng. Phương thức cấp dưỡng theo tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 10/2023 cho đến khi cháu Phạm Đức Dương A đủ 18 tuổi. Anh Phạm Đức L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí:

Nguyên đơn anh Phạm Đức L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng số tiền án phí anh Phạm Đức L phải nộp là 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006594, ngày 02/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Anh Phạm Đức L còn tiếp tục phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí. Bị đơn chị Nông Thùy L không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Phạm Đức L và bị đơn chị Nông Thùy L được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã T, huyện H, tỉnh Hải Dươngg (Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2016, ngày 20/44/2016);
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Hữu San